TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HS-ST
Ngày 19/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Trần Văn Một.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Xanh;

2. Bà Phan Thị Thu.

- ***Thư ký phiên toà***: bà Hoàng Thị Diễm My - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà:*** ông Lương Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/HSST-QĐ ngày 26/11/2024 đối với các bị cáo:

1. **Hồ Văn T1**; Giới tính: Nam; Sinh ngày 12/4/1990; Nơi sinh: huyện B, tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: thôn 02, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ca dong; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 0/12; Cha: Hồ Văn G (chết); Mẹ: Hồ Thị X, sinh năm 1955; Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con đầu; Vợ: Hồ Thị T2, sinh năm 1993; Bị cáo có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Hồ Thị T2**; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 24/6/1993; Nơi sinh: huyện B, tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: thôn 02, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ca dong; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 0/12; Cha: Hồ Văn L, sinh năm 1962; Mẹ: Hồ Thị T3, sinh năm 1969; Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con đầu; Chồng: Hồ Văn T1, sinh năm 1990; Bị cáo có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn T1: bà Lê Thị T - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Hồ Thị T2: bà Nguyễn Thị Hồng P - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Người phiên dịch: Ông Lê Minh X - Chủ tịch Hội cựu chiến binh xã P, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng đầu tháng 04/2024, do thiếu đất sản xuất nông nghiệp nên Hồ Văn T1 dẫn theo vợ là Hồ Thị T2 lên khu vực Trà Nô thuộc khoảnh 10, tiểu khu 530, thôn TN, xã P, huyện H, tỉnh Quảng Nam để tiến hành phát, đốt rừng tự nhiên, mở rộng diện tích đất sản xuất trồng lúa, bắp. Hồ Văn T1 và Hồ Thị T2 mỗi người sử dụng 01 cái rựa để phát luỗng (phát cây bụi, dây leo, cây thân gỗ nhỏ), còn chừa lại cây thân gỗ vừa và to có đường kính khoảng 10cm trở lên. Sau đó, Hồ Văn T1 dùng rìu (cúp) để chặt hạ cây thân gỗ vừa và to trên diện tích đã phát. Hồ Thị T2 có thay phiên cầm rìu phụ giúp Hồ Văn T1 chặt những cây thân gỗ có đường kính cỡ vừa. Vợ chồng Hồ Văn T1 phát, chặt cây rừng trong khoảng thời gian hơn một tuần thì về nhà. Trong thời gian chờ cây rừng khô để vào gom đốt lấy đất sản xuất thì đến ngày 09/5/2024, Hạt kiểm lâm huyện H phát hiện lập biên bản vụ việc.

Quá trình điều tra, truy tố các bị can Hồ Văn T1, Hồ Thị T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 23/5/2024 và sơ đồ trích đo kèm theo của Hạt Kiểm lâm huyện H xác định tổng diện tích rừng Hồ Văn T1 và Hồ Thị T2 phát trái phép là: 4.110m^2, trên diện tích này có 97 cây thân gỗ bị chặt hạ với trữ lượng là 46,717m^3, trữ lượng cây đứng trên một héc ta là 113,666m^3.

Căn cứ Thông tư 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn; Thông tư 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn; Quyết định 120/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam và Công văn trả lời số 426/CCKL-SD&PTR ngày 04/6/2024 của Chi cục Kiểm lâm Quảng Nam về việc xác định chức năng rừng thì diện tích rừng mà Hồ Văn T1 và Hồ Thị T2 phát trái phép thuộc kiểu rừng lá rộng thường xanh trung bình (TXB), quy hoạch chức năng rừng phòng hộ, do Ủy ban nhân dân xã P quản lý.

Tại văn bản kết luận định giá tài sản số: 10/KL-HĐĐGTS ngày 28/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, tỉnh Quảng Nam kết luận: diện tích rừng Hồ Văn T1 và Hồ Thị T2 phá trái phép có giá trị thiệt hại là: 196.086.654 đồng, đã bao gồm thiệt hại về môi trường.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hồ Văn T1 và Hồ Thị T2 phạm tội Hủy hoại rừng.

- Về hình phạt:

+ Đối với Hồ Văn T1: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; các điểm b, m, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017*): xử phạt bị cáo Hồ Văn T1 từ 06 đến 09 tháng tù.

+ Đối với Hồ Thị T2: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; các điểm b, m, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017*): xử phạt bị cáo Hồ Thị T2 từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 *(sửa đổi bổ sung năm 2017)* tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 cái rựa dài 53cm, cán bằng gỗ dài 37cm, lưỡi bằng sắt dài 16cm, đã bị gãy phần cong (thu của Hồ Văn T1); 01 cái rựa dài 63cm, cán bằng gỗ dài 35cm, lưỡi bằng sắt dài 28cm, đã bị gãy mũi (thu của Hồ Thị T2); 01 cái rìu sắt không có cán, lưỡi sắt dài 37cm, lưỡi sắt hai đầu, mặt lưỡi rộng 5cm (thu của Hồ Thị T2).

- Về phần dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo tiếp tục bồi thường thiệt hại số tiền là 194.086.654 đồng cho Ủy ban nhân dân xã P.

- Đối với 01 khẩu súng tự chế (súng hơi bắn bi) Hạt Kiểm lâm huyện H tổ chức kiểm tra rừng đã thu giữ được, Hạt kiểm lâm huyện đã bàn giao lại cho Công an xã P để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo Hồ Văn T1 và Hồ Thị T2 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn T1 trình bày luận cứ bào chữa: Người bào chữa thống nhất với tội danh mà cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hồ Văn T1. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, m, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017*) xử cho bị cáo được hưởng án treo và đề nghị miễn án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo Hồ Thị T2 trình bày luận cứ bào chữa: Người bào chữa thống nhất với tội danh mà cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, người bào chữa cho rằng trong vụ án này bị cáo là vợ của bị cáo Hồ Văn T1, thực hiện hành vi phạm tội theo sự sai bảo của bị cáo Thảo và đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hồ Thị T2. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, m, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017*) xử cho bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ và đề nghị miễn án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn dân sự là UBND xã P vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra ông Hồ Văn Đ – Chủ tịch UBND xã P yêu cầu các bị cáo

Hồ Văn T1 và Hồ Thị T2 phải bồi thường cho UBND xã P, huyện H, tỉnh Quảng Nam số tiền 196.086.654 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy tại phiên tòa đại diện nguyên đơn dân sự được triệu tập hợp lệ vắng mặt nhưng lời khai của họ đã được thể hiện tại hồ sơ vụ án, việc vắng mặt họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với nguyên đơn dân sự.

[2] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử kết luận:

Khoảng tháng 04/2024, Hồ Văn T1 cùng vợ là Hồ Thị T2 sử dụng rựa lên khu vực Trà Nô thuộc khoảnh 10, tiểu khu 530, thôn TN, xã P, huyện H, tỉnh Quảng Nam để phát rừng trái phép. Sau khi phát xong dây leo và cây nhỏ, Hồ Văn T1 dùng rìu để chặt hạ cây trên diện tích đã phát, Hồ Thị T2 có thay phiên phụ giúp chặt vài cây nhỏ, khoảng hơn một tuần thì xong được diện tích rừng trên.

Đến ngày 09/5/2024, Hạt kiểm lâm huyện H phát hiện lập biên bản vụ việc. Diện tích rừng Hồ Văn T1, Hồ Thị T2 phá trái phép là rừng phòng hộ, với tổng diện tích bị hủy hoại là 4.110m^2, trên diện tích này có 97 cây thân gỗ bị chặt hạ với trữ lượng là 46,717m^3, có giá trị thiệt hại là: 196.086.654 đồng.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Hồ Văn T1 và Hồ Thị T2 đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Hủy hoại rừng*" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017*) như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam đã truy tố và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Rừng nói chung và rừng phòng hộ nói riêng có một vai trò rất quan trọng, to lớn đối với sự sống của con người cũng như nhiều loài động, thực vật. Luật Bảo vệ và phát triển rừng quy định bảo vệ rừng là trách nhiệm của toàn dân. Các bị cáo đã được các cấp chính quyền, các ban ngành tại địa phương nhiều lần tuyên truyền,

vận động về tầm quan trọng của rừng đối với đời sống và hành vi phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái phép là hành vi vi phạm pháp luật, ảnh hưởng xấu đến đời sống hiện tại và các thế hệ tương lai. Nhưng chỉ vì thiếu đất sản xuất mà các bị cáo đã ngang nhiên vào chặt hạ cây, phá rừng phòng hộ để lấy đất canh tác. Hành vi của các bị cáo đã gây ra hậu quả nặng nề về tài sản cũng như về môi trường. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo với mức án thật nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ rừng ngày một gia tăng tại địa bàn các xã miền núi của huyện H nói riêng và trên toàn quốc nói chung như hiện nay.

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong vụ án này các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Tiết là vợ thực hiện việc phát nương phá rừng theo yêu cầu của bị cáo Thảo là chồng, hành vi của các bị cáo không phải là đồng phạm.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, sinh sống ở vùng núi cao, các bị cáo không biết chữ, các bị cáo đã bồi thường cho UBND xã P được 2.000.000 đồng. Với những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên, HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017*) cho các bị cáo. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đủ điều kiện áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017*).

Đối với bị cáo Hồ Văn T1 là người khởi xướng, sai bảo bị cáo Tiết phá rừng trong bối cảnh tình hình huỷ hoại rừng phòng hộ tại các xã vùng cao, trong đó có xã P của người dân có chiều hướng gia tăng nên cần phải xử phạt tù có thời hạn để giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Đối với bị cáo Hồ Thị T2: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người mù chữ, có hạn chế nhất định về mặt nhận thức và điều hiển hành vi, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội theo sự sai bảo của bị cáo Thảo, do đó xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo mà cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục cũng có tác dụng răn đe đối với bị cáo.

Quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Hồ Văn T1 đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, m, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017*) xử cho bị cáo được hưởng án treo và đề nghị miễn án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo được HĐXX chấp nhận một phần.

Đối với quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Hồ Thị T2 đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, m, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017*)

xử cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ và đề nghị miễn án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo cũng được HĐXX chấp nhận một phần.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, đại diện nguyên đơn dân sự là UBND xã P, huyện H đề nghị các bị cáo phải bồi thường số tiền 196.086.654 *đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm năm mươi bốn đồng),* hiện nay các bị cáo đã bồi thường cho UBND xã P được 2.000.000 *đồng (Hai triệu đồng)*; xét buộc các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền còn lại là 194.086.654 đồng cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện H.

[7] Về hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng vụ án:

- Hành vi phạm tội của các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền nhưng xét thấy các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống vùng núi cao, thuộc hộ nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Vật chứng vụ án: Đối với 01 cái rựa dài 53cm, cán bằng gỗ dài 37cm, lưỡi bằng sắt dài 16cm, đã bị gãy phần cong thu của Hồ Văn T1 và 01 cái rựa dài 63cm, cán bằng gỗ dài 35cm, lưỡi bằng sắt dài 28cm, đã bị gãy mũi thu của Hồ Thị T2; 01 cái rìu sắt không có cán, lưỡi sắt dài 37cm, lưỡi sắt hai đầu, mặt lưỡi rộng 5cm thu của Hồ Thị T2 không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu huỷ.

[8] Về án phí: Về án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: Các bị cáo Hồ Văn T1, Hồ Thị T2 là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, là hộ nghèo; nên căn cứ vào điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xét miễn toàn bộ phần án phí hình sự và dân sự cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Hồ Văn T1 và Hồ Thị T2 phạm tội "*Hủy hoại rừng*".

Về hình phạt:

- Đối với Hồ Văn T1: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017*): Xử phạt bị cáo Hồ Văn T1 07 (bảy) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Đối với Hồ Thị T2: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017*): Xử phạt bị cáo Hồ Thị T2 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/12/2024).

Giao bị cáo Hồ Thị T2 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp nếu người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 584, 585, 589, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015: Xử buộc các bị cáo Hồ Văn T1 và Hồ Thị T2 phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho UBND xã P, huyện H, tỉnh Quảng Nam số tiền là 194.086.654 đồng *(Một trăm chín mươi tư triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, sáu trăm năm mươi bốn đồng)*. Chia phần cụ thể như sau: Bị cáo Hồ Văn T1 phải bồi thường cho UBND xã P số tiền 97.043.327 đồng *(Chín mươi bảy triệu, không trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi bảy đồng)*; bị cáo Hồ Thị T2 phải bồi thường cho UBND xã P số tiền 97.043.327 đồng *(Chín mươi bảy triệu, không trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi bảy đồng)*.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng vụ án:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017*); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tuyên tịch thu, tiêu huỷ:

+ 01 cái rựa dài 53cm, cán bằng gỗ dài 37cm, lưỡi bằng sắt dài 16cm, đã bị gãy phần cong.

+ 01 cái rựa dài 63cm, cán bằng gỗ dài 35cm, lưỡi bằng sắt dài 28cm, đã bị gãy mũi.

+ 01 cái rìu sắt không có cán, lưỡi sắt dài 37cm, lưỡi sắt hai đầu, mặt lưỡi rộng 5cm.

Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Nam theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Quảng Nam với Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Nam lập ngày 29/10/2024.

Tuyên lưu theo hồ sơ vụ án 01 (một) đĩa DVD ghi âm, ghi hình việc hỏi cung các bị cáo trong quá trình điều tra vụ án.

4. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm cho các bị cáo Hồ Văn T1 và Hồ Thị T2.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (*ngày 19/12/2024*). Nguyên đơn dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Quảng Nam (PV06);
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Cơ quan điều tra Công an huyện H;
- Văn phòng Công an huyện H;
- Bị cáo, người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Một